

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, gồm các nội dung chính sau đây:

I. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

a) Phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế; phù hợp với các chiến lược phát triển của ngành tài nguyên và môi trường.

b) Tập trung đầu tư, nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, tăng cường đào tạo các chuyên ngành truyền thống và thế mạnh của Trường, từng bước mở chuyên ngành mới phục vụ phát triển ngành tài nguyên và môi trường, đáp ứng nhu cầu xã hội; gắn công tác đào tạo với nghiên cứu khoa học, hội nhập quốc tế và hoạt động thực tiễn.

c) Đầu tư đào tạo nhân lực của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội là đầu tư phát triển và được ưu tiên xem xét trong các chương trình, kế hoạch của ngành tài nguyên và môi trường.

d) Đổi mới cơ chế quản lý theo hướng giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm, nâng cao năng lực cạnh tranh của Trường, gắn đào tạo với nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu thực tế hiện nay.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng và phát triển Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trở thành cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực tài nguyên và môi trường, đáp ứng được yêu cầu công tác quản lý, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng; đến năm 2035, trở thành trường đại học trọng điểm quốc gia trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường theo định hướng ứng dụng.

2.2. Mục tiêu cụ thể

2.2.1. Xây dựng và phát triển điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

a) Phát triển đội ngũ giảng viên có phẩm chất đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, có trình độ cao, có khả năng giảng dạy và có phương pháp nghiên cứu khoa học tiên tiến; nâng cao năng lực giảng viên để có các chuyên gia đầu ngành ở các lĩnh vực tài nguyên và môi trường; đào tạo được đội ngũ cán bộ để kế tục, phát huy:

- Đến năm 2020, đạt tỷ lệ 25 - 30% tổng số giảng viên là tiến sĩ, trong đó, có khoảng 10% là giáo sư, phó giáo sư.

- Đến năm 2025, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ đạt 40 - 50%, trong đó, có khoảng 10 - 20% là giáo sư, phó giáo sư.

- Đến năm 2035, đội ngũ giảng viên đạt chuẩn có 75 - 80% là tiến sĩ, trong đó, có 20 - 30% là giáo sư và phó giáo sư, mỗi chuyên ngành đào tạo có ít nhất 01 phó giáo sư đầu ngành trở lên.

b) Hệ thống chương trình đào tạo được kiểm định; giáo trình, cơ sở tài liệu (kể cả phần mềm, trang thiết bị, tài liệu tham khảo về các lĩnh vực tài nguyên và môi trường) được cập nhật, kiểm tra, đánh giá và chuẩn hóa:

- Đến năm 2020, có 16 chương trình đào tạo hệ đại học, 08 chương trình đào tạo sau đại học, 03 chương trình đào tạo liên kết được cập nhật, kiểm tra, đánh giá và chuẩn hóa.

- Đến năm 2025, có 22 chương trình đào tạo hệ đại học, 10 chương trình đào tạo sau đại học, 08 chương trình đào tạo liên kết được cập nhật, kiểm tra, đánh giá và chuẩn hóa.

- Đến năm 2035, có 25 chương trình đào tạo hệ đại học, 15 chương trình đào tạo sau đại học, 15 chương trình đào tạo liên kết được cập nhật, kiểm tra, đánh giá và chuẩn hóa.

c) Cơ sở vật chất được đầu tư, mở rộng, nâng cấp phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ đạt chuẩn hoặc tương đương các trường đại học kỹ thuật, đại học vùng trọng điểm quốc gia. Phát triển Trung tâm thư viện, thư viện điện tử hiện đại, kết nối với tổ chức đào tạo, nghiên cứu khoa học trong nước và nước ngoài:

- Đến năm 2016, tập trung phát triển cơ sở vật chất cơ sở 1 (phường Phú Diễn, quận Bắc Từ Liêm), xây dựng thêm khu giảng đường mới tại Trung tâm Giám sát Tài nguyên Thiên nhiên và Môi trường, đường Văn Tiến Dũng, phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội với diện tích mặt bằng 2 ha, xây dựng bổ sung 25.000 m² sàn xây dựng với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Triển khai việc thành lập Phân hiệu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Bim Sơn, Thanh Hóa trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung.

- Đến năm 2020, tiếp tục hoàn thiện phòng thí nghiệm, thực hành hiện đại theo tiêu chuẩn ngành tài nguyên nước và địa chất khoáng sản theo dự án được duyệt. Hoàn thiện và phát triển phòng thí nghiệm, phân tích môi trường đạt chuẩn, được cấp giấy chứng nhận VLAP. Tổng diện tích mặt sàn xây dựng đạt 60.000 m²; 80% phòng học đạt chuẩn; mạng internet, intranet kết nối giữa các phòng, thư viện và các địa điểm học tập đạt 80%. Nghiên cứu, triển khai việc xây dựng cơ sở mới tại khu vực Quốc Oai, hoặc khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội với quy mô diện tích khoảng 20 - 30 ha. Cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ công tác đào tạo cao đẳng và đại học tại Phân hiệu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Bim Sơn, Thanh Hóa; chuẩn bị cho công tác đào tạo sau đại học tại Phân hiệu.

- Đến năm 2025: xây dựng cơ sở vật chất với tổng diện tích mặt sàn 60.000 m²; 100% phòng học đạt chuẩn; mạng internet, intranet kết nối giữa các phòng, thư viện và các địa điểm học tập đạt 100%; đầu tư xây dựng 03 phòng thí nghiệm đạt chuẩn (phòng thí nghiệm công nghệ biển; phòng thí nghiệm công nghệ viễn thám và GIS; phòng thực hành khí tượng - khí hậu). Phát triển Trung tâm thư viện, Thư viện điện tử hiện đại, kết nối với các thư viện của một số trường đại học lớn trong khu vực và trên thế giới. Tiếp tục nghiên cứu, triển khai việc xây dựng cơ sở mới của trường tại khu vực Quốc Oai, hoặc khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội. Tiếp tục đầu tư, phát triển cơ sở vật chất, mở rộng ngành nghề đào tạo đại học và sau đại học phù hợp với năng lực, điều kiện tại Phân hiệu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Bim Sơn, Thanh Hóa.

- Đến năm 2035: Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội có cơ sở mới dự kiến tại Hà Nội với diện tích mặt bằng từ 20 - 30 ha đất ở khu vực Quốc Oai, hoặc Khu Công nghệ cao Hòa Lạc, Hà Nội, đảm bảo diện tích 90.000

m² sàn xây dựng với đầy đủ trang thiết bị hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ ngang tầm các đại học khu vực và quốc tế; đầu tư xây dựng thêm, nâng cấp 03 phòng thí nghiệm đạt chuẩn (phòng thí nghiệm và phân tích môi trường; phòng thực hành tài nguyên nước; phòng thí nghiệm công nghệ biển). Xây dựng cơ sở vật chất Phân hiệu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Bim Sơn, Thanh Hóa đầy đủ và hiện đại, phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học công nghệ ngang tầm các đại học khu vực.

d) Áp dụng mô hình đào tạo theo hệ thống tín chỉ cho các bậc học: cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ. Đào tạo theo diện rộng ở các bậc cao đẳng, đại học và theo hướng chuyên sâu ở các bậc thạc sĩ, tiến sĩ. Hệ thống tổ chức, cơ chế, phương pháp quản lý chất lượng trường đại học tiên tiến phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 đối với lĩnh vực đào tạo các ngành trình độ cao đẳng, đại học, sau đại học; đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ về các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài nguyên và Môi trường và các lĩnh vực khác theo nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

2.2.2. Sản phẩm, ngành nghề đào tạo

a) Quy mô giữa các bậc đào tạo cao đẳng, đại học và sau đại học hợp lý; cân đối giữa các chuyên ngành đào tạo truyền thống, có thế mạnh, ngành nghề mũi nhọn và ngành nghề đáp ứng nhu cầu thị trường lao động; đáp ứng yêu cầu của Bộ, của ngành và của xã hội:

- Đến năm 2020, quy mô đào tạo từ 10.000 - 12.000 sinh viên, trong đó, đào tạo trình độ sau đại học chiếm khoảng 10%. Ngành nghề truyền thống, có thế mạnh (các ngành Khí tượng; Thủy văn, Quản lý đất đai, Môi trường, Kỹ thuật Trắc địa - Bản đồ, Địa chất ...) chiếm tỷ lệ 35%; ngành nghề mũi nhọn, có tiềm năng phát triển (các ngành Quản lý biển, Khí tượng thủy văn biển, Quản lý tài nguyên nước, Kinh tế tài nguyên và môi trường, Biến đổi khí hậu và Phát triển bền vững, Quản lý tài nguyên và môi trường ...) chiếm tỷ lệ 40%; ngành nghề liên kết đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, dịch vụ (các ngành Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Kinh tế tài nguyên thiên nhiên, Công nghệ thông tin ...) chiếm tỷ lệ 25%; mở thêm 04 ngành đào tạo hệ đại học, 05 ngành đào tạo sau đại học. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để thu hút và đào tạo sinh viên quốc tế.

- Đến năm 2025, quy mô đào tạo 13.000 - 14.000 sinh viên, trong đó, đào tạo trình độ sau đại học chiếm 15%. Ngành nghề truyền thống, có thế mạnh chiếm tỷ lệ 25%; ngành nghề mũi nhọn, có tiềm năng phát triển chiếm 35%; ngành nghề liên kết đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, dịch vụ chiếm 40%; mở thêm 02 ngành đào tạo hệ đại học, 02 ngành đào tạo sau đại học. Đẩy mạnh thu hút và đào tạo sinh viên quốc tế.

- Đến năm 2035, quy mô đào tạo 15.000 sinh viên, trong đó, đào tạo trình độ sau đại học chiếm 20%, bao gồm 01 - 02% là sinh viên quốc tế. Ngành nghề truyền thống, có thế mạnh chiếm tỷ lệ 25%; ngành nghề mũi nhọn, có tiềm năng phát triển chiếm 40%; ngành nghề liên kết đào tạo đáp ứng nhu cầu thị trường

lao động, dịch vụ chiếm 35%; mở thêm 03 ngành đào tạo hệ đại học, 05 ngành đào tạo sau đại học.

b) Các sinh viên tốt nghiệp có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ chuyên môn vững vàng, kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, đáp ứng được các yêu cầu, nhiệm vụ của ngành tài nguyên và môi trường và thị trường lao động:

- Đến năm 2020, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hệ đại học nhận được việc làm đạt tỷ lệ trên 50%. Tỷ lệ thạc sỹ, tiến sỹ đủ điều kiện để nhận học bổng để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở nước ngoài, các cơ quan, tổ chức đạt tỷ lệ trên 30%.

- Đến năm 2025, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hệ đại học nhận được việc làm đạt tỷ lệ trên 70%. Tỷ lệ thạc sỹ, tiến sỹ đủ điều kiện để nhận học bổng để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở nước ngoài, các cơ quan, tổ chức đạt tỷ lệ trên 40%.

- Đến năm 2035, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp hệ đại học nhận được việc làm đạt tỷ lệ trên 80%. Tỷ lệ thạc sỹ, tiến sỹ đủ điều kiện để nhận học bổng để tiếp tục học tập, nghiên cứu ở nước ngoài, các cơ quan, tổ chức đạt tỷ lệ trên 50%.

2.2.3. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

a) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và chuyển giao tri thức gắn với định hướng ứng dụng, giải quyết được những vấn đề trọng yếu trước mắt và lâu dài của các lĩnh vực tài nguyên và môi trường; góp phần phát triển được các ngành nghề đào tạo mũi nhọn, truyền thống, thế mạnh của Trường, tiến tới tạo ra được các tri thức và luận cứ khoa học có tính dự báo cao, giải quyết được các vấn đề của thời đại, phục vụ phát triển bền vững đất nước:

- Đến năm 2020, có khoảng 400 bài báo, báo cáo khoa học được đăng ở trong nước và quốc tế; 10 bài báo được đăng trên hệ thống ISI, SCOPUS; trên 05 cuốn sách chuyên khảo hàng năm; có trên 03 phát minh, sáng chế, giải pháp khoa học và công nghệ được đăng ký bản quyền hoặc sở hữu trí tuệ; kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào giảng dạy, tài liệu tham khảo trên 50%; số lượng kết quả nghiên cứu được triển khai trong thực tiễn trên 70%; nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ chiếm từ 15 - 20% tổng nguồn thu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Đến năm 2025, có khoảng 500 - 600 bài báo, báo cáo khoa học được đăng ở trong nước và quốc tế; trên 30 bài báo được đăng trên hệ thống ISI, SCOPUS; trên 10 cuốn sách chuyên khảo hàng năm; có trên 10 phát minh, sáng chế, giải pháp khoa học và công nghệ được đăng ký bản quyền hoặc sở hữu trí tuệ; trên 70% kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào giảng dạy, tài liệu tham khảo; trên 80% số lượng kết quả nghiên cứu được triển khai trong thực tiễn; nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ chiếm từ 25 - 30% tổng nguồn thu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

- Đến 2035, có khoảng 700 - 800 bài báo, báo cáo khoa học được đăng ở trong nước và quốc tế; trên 45 bài báo được đăng trên hệ thống ISI, SCOPUS; trên 20 cuốn sách chuyên khảo hàng năm; có trên 15 phát minh, sáng chế, giải pháp khoa học và công nghệ được đăng ký bản quyền hoặc sở hữu trí tuệ; trên

90% kết quả nghiên cứu được ứng dụng vào giảng dạy, tài liệu tham khảo; trên 90% số lượng kết quả nghiên cứu được triển khai trong thực tiễn; nguồn thu từ các hoạt động khoa học công nghệ chiếm từ 30 - 40% tổng nguồn thu của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

b) Tăng cường việc liên kết, hợp tác đào tạo trong nước và quốc tế; các nhà khoa học, chuyên gia, sinh viên trong nước và các cơ sở liên kết quốc tế khác đến học tập, nghiên cứu và làm việc tăng dần theo các năm:

- Đến năm 2020, hình thành được các nhóm nghiên cứu mạnh theo các ngành đào tạo mũi nhọn, truyền thống của Trường đủ năng lực cạnh tranh, đấu thầu các chương trình, đề tài, dự án của ngành, quốc gia và các lĩnh vực khác có liên quan. Có 03 chương trình hợp tác trong nước và quốc tế; 03 chương trình đào tạo liên kết được triển khai trong thực tiễn; 50 - 100 chuyên gia, nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, sinh viên quốc tế đến học tập, nghiên cứu.

- Đến năm 2025, thành lập Trung tâm chuyển giao công nghệ, định hướng nghiên cứu đáp ứng nhu cầu thị trường về công nghệ ở một số lĩnh vực mũi nhọn và truyền thống như công nghệ môi trường, trắc địa - bản đồ... Có 10 chương trình hợp tác trong nước và quốc tế; 10 chương trình đào tạo liên kết được triển khai trong thực tiễn; 120 - 150 chuyên gia, nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, sinh viên quốc tế đến học tập, nghiên cứu.

- Đến năm 2035, Trường có đủ năng lực cạnh tranh, đấu thầu các nhiệm vụ khoa học - công nghệ mang tầm khu vực và quốc tế; hình thành các trung tâm, viện nghiên cứu theo các chuyên ngành. Có 20 chương trình hợp tác trong nước và quốc tế; 20 chương trình đào tạo liên kết được triển khai trong thực tiễn; 250 - 280 chuyên gia, nhà nghiên cứu trong nước và quốc tế, sinh viên quốc tế đến học tập, nghiên cứu.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác chính trị, tư tưởng, nâng cao vị thế Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

a) Quán triệt và cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, tạo sự đồng thuận và nâng cao nhận thức về vai trò quyết định chất lượng giáo dục và đào tạo của đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý giáo dục, cán bộ nghiên cứu; lấy người học là chủ thể, trung tâm của quá trình đào tạo.

b) Phát huy vai trò lãnh đạo, tiên phong, gương mẫu, tinh thần đoàn kết của Đảng ủy, Ban Giám hiệu, Hội đồng trường và vai trò của các tổ chức đoàn thể; xây dựng môi trường, điều kiện làm việc, công tác hiện đại, thân thiện, dân chủ, thúc đẩy sáng tạo, đổi mới; nâng cao tính chuyên nghiệp, hiệu quả của mỗi cá nhân đối với công việc.

c) Xây dựng và triển khai kế hoạch tuyên truyền, quảng bá vai trò, vị thế của Trường; thành lập và phát huy vai trò Đoàn thanh niên, tổ chức cựu sinh

viên ...; tăng cường việc xúc tiến, hỗ trợ các hoạt động liên kết giữa Trường với các tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp ở các Bộ, ngành, địa phương.

2. Xây dựng đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu trình độ cao

2.1. Chuẩn hóa và nâng cao năng lực, hiệu quả công tác của cán bộ

- Xây dựng và triển khai đề án vị trí việc làm; xây dựng và thực hiện cơ chế tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc, trình độ cao, trong đó ưu tiên sinh viên được đào tạo, tốt nghiệp tại trường; xây dựng và thực hiện cơ chế tuyển dụng về nghiệp vụ đối với nghiên cứu viên, chuyên viên, kỹ thuật viên làm công tác nghiên cứu.

- Tập huấn, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ quản lý.

2.2. Xây dựng cơ chế, chính sách, kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu

- Xây dựng chính sách, định hướng phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ nghiên cứu bảo đảm chủ động được nguồn cán bộ có chất lượng cao.

- Khuyến khích, tạo điều kiện cho đội ngũ giảng viên được học tập, bồi dưỡng ở trong nước và nước ngoài nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên về chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.

- Thu hút, tuyển dụng cán bộ có trình độ cao; xây dựng chính sách sử dụng hiệu quả các cán bộ khoa học trình độ cao đã nghỉ hưu và huy động nguồn lực để triển khai thực hiện.

3. Phát triển và quản trị cơ sở vật chất

- Phát triển cơ sở vật chất của Trường tại địa điểm phường Phú Diễn, quận Từ Liêm, thành phố Hà Nội (cơ sở chính của Trường), là nơi đào tạo đại học, sau đại học, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ.

- Chủ động, huy động mọi nguồn lực để xây dựng cơ sở mới tại khu vực Quốc Oai (hoặc khu Công nghệ cao Hòa Lạc); xây dựng khu giảng đường 2 ha tại cơ sở đường Văn Tiến Dũng, phường Minh Khai, quận Bắc Từ Liêm.

- Hoàn thiện cơ sở vật chất, thành lập Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại Bim Sơn, Thanh Hóa trên cơ sở nâng cấp Trường Cao đẳng Tài nguyên và Môi trường miền Trung đáp ứng nhu cầu đào tạo đại học và sau đại học.

- Kiện toàn hệ thống công nghệ thông tin, hạ tầng mạng, công thông tin điện tử và ứng dụng phần mềm quản lý trong công tác quản trị Trường.

- Xây dựng dự án vay vốn nước ngoài để phát triển cơ sở vật chất.

- Nghiên cứu hợp tác với các đơn vị bên ngoài để khai thác một phần cơ sở của Trường để bổ sung nguồn kinh phí cho hoạt động quản trị của Trường.

4. Đổi mới căn bản, toàn diện phương pháp dạy và học; bảo đảm chất lượng đào tạo

4.1. Cải tiến phương pháp đào tạo và tăng cường tài nguyên học tập

- Áp dụng đồng bộ phương pháp đào tạo theo hệ thống tín chỉ; nghiên cứu áp dụng các phương pháp giảng dạy tiên tiến, phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học; triển khai giảng dạy một số môn học bằng tiếng Anh để tăng tính liên thông, hội nhập quốc tế.

- Đổi mới công tác quản lý đào tạo theo hướng gắn kết giữa đào tạo và nghiên cứu; giữa cơ sở đào tạo với cơ sở sản xuất, kinh doanh.

- Bổ sung, tăng cường tài nguyên, phương tiện học tập (sách, tài liệu tham khảo, tài liệu điện tử cho thư viện...), đồng thời khuyến khích giảng viên nghiên cứu sử dụng, áp dụng các giáo trình nước ngoài có uy tín cho các môn học mới.

4.2. Đổi mới phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm, đào tạo phát triển tư duy cho người học

- Coi trọng đào tạo ý thức tự giác học tập, nâng cao năng lực tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện kỹ năng thực hành, phát triển tư duy sáng tạo với phương pháp luận trình độ cao, tạo điều kiện cho người học tham gia nghiên cứu khoa học và công nghệ.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong dạy và học.

- Đổi mới phương pháp kiểm tra, thi, đánh giá người học ngay trong quá trình học tập nhằm kịp thời điều chỉnh, nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học.

4.3. Tăng cường công tác đảm bảo chất lượng đào tạo cao đẳng, đại học

- Đa dạng hóa, chuẩn hóa, hiện đại hóa các chương trình đào tạo, đặc biệt là chương trình đào tạo đại học đáp ứng nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, các chương trình đào tạo được công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục quốc gia; tăng cường triển khai các chương trình đại học tiên tiến, chất lượng cao và các chương trình liên kết đào tạo quốc tế; thực hiện nhập khẩu chương trình đào tạo.

- Tăng tính mềm dẻo, linh hoạt, chú trọng đào tạo kỹ năng mềm, ngoại ngữ của các chương trình đào tạo nhằm tăng cường cơ hội chuyển đổi kiến thức, liên thông giữa các bậc học, ngành học, đáp ứng linh hoạt với định hướng nghề nghiệp của người học và nhu cầu thị trường lao động; tăng cường liên thông, liên kết với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu khác trong và ngoài nước.

- Rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo bảo đảm tính phù hợp, hiện đại và hội nhập; có sự liên thông theo ngành, nhóm ngành với các chương trình đào tạo trong cùng trình độ và giữa các trình độ trong cùng một ngành.

- Áp dụng phương pháp quản lý chất lượng phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008; duy trì kiểm định chất lượng đào tạo theo tiêu chuẩn khu vực, quốc gia và tham gia vào mạng lưới hệ thống đại học ASEAN

(The ASEAN University Network - AUN); đảm bảo đến năm 2020 ngành Công nghệ kỹ thuật môi trường được đánh giá theo tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng của hệ thống các trường đại học ASEAN.

- Thực hiện “ba công khai”: công khai năng lực đào tạo, công khai tài chính và công khai chất lượng đào tạo theo quy định; xây dựng chuẩn đầu ra phù hợp với khung trình độ quốc gia.

- Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá, nâng cao chất lượng đào tạo; chú trọng đầu tư công tác tự đánh giá, xây dựng kế hoạch tham gia kiểm định chương trình đào tạo và cơ sở đào tạo.

4.4. Bảo đảm chất lượng đào tạo sau đại học, gắn kết với nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ

- Đổi mới phương pháp giảng dạy sau đại học nhằm phát huy tối đa năng lực tự học, tự nghiên cứu và sức sáng tạo của người học.

- Mở chương trình liên kết đào tạo quốc tế ở bậc thạc sỹ và tiến sỹ; có cơ chế, chính sách ưu đãi mời các chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy các học phần sau đại học.

- Khuyến khích người học tham gia các hội thảo khoa học, đề tài, chương trình nghiên cứu của khoa, bộ môn... nhằm gắn kết việc học với nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng các đề tài luận văn thạc sỹ và luận án tiến sỹ.

- Xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo sau đại học; tập huấn công tác quản lý và đánh giá nội bộ cho cán bộ quản lý, chuyên viên đào tạo sau đại học; triển khai đánh giá cho một số chuyên ngành tiêu biểu để tiến tới áp dụng cho toàn bộ các chương trình đào tạo sau đại học.

5. Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ

5.1. Tăng cường tiềm lực khoa học - công nghệ đối với các lĩnh vực truyền thống, mũi nhọn

- Tiếp tục tăng cường cơ sở vật chất cho phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành phục vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; mở rộng hợp tác, liên kết với các đơn vị trực thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, các cơ sở nghiên cứu, đào tạo khác để tận dụng được kinh nghiệm, cơ sở vật chất phòng thí nghiệm.

- Phát triển các nhóm nghiên cứu có uy tín trong các lĩnh vực truyền thống, tiến tới hình thành các nhóm nghiên cứu trọng điểm về khoa học - công nghệ mũi nhọn, đủ sức đảm đương các nhiệm vụ khoa học - công nghệ cấp Bộ, liên ngành.

- Xây dựng các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng chuyển giao công nghệ theo lĩnh vực mũi nhọn.

- Hoàn chỉnh hệ thống văn bản, quy chế quản lý đề tài, dự án, cơ sở dữ liệu khoa học - công nghệ; khai thác có hiệu quả các phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành.

5.2. *Đẩy mạnh hoạt động khoa học - công nghệ nhằm phát triển đội ngũ khoa học - công nghệ, chuyên gia trình độ cao*

- Đề xuất, thực hiện các đề tài nghiên cứu trong các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ hoặc các đề tài liên ngành đáp ứng yêu cầu thực tiễn; tổ chức hội nghị, hội thảo mở rộng mạng lưới hợp tác phát triển mang tầm khu vực, quốc tế; xúc tiến ký kết các thỏa thuận hợp tác chung với các đối tác có uy tín.

- Tăng cường liên kết, hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các tổ chức nghiên cứu, doanh nghiệp; gắn nghiên cứu khoa học với nâng cao chất lượng đào tạo đại học và sau đại học.

- Xây dựng cơ chế liên kết nghiên cứu khoa học với các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp; tăng cường huy động, đa dạng hóa nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học.

6. Phát triển dịch vụ và đa dạng hóa nguồn lực tài chính

- Quy hoạch các lĩnh vực, loại hình dịch vụ, đổi mới cơ chế hoạt động dịch vụ, gắn dịch vụ với hoạt động đào tạo, nghiên cứu ứng dụng; liên kết hợp tác trong và ngoài nước về tư vấn dịch vụ theo các lĩnh vực mũi nhọn.

- Nâng cấp phòng thí nghiệm đáp ứng nhu cầu dịch vụ; sử dụng uy tín, thương hiệu các chuyên gia trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường và quốc tế để thu hút các lĩnh vực dịch vụ.

- Đẩy mạnh, ưu tiên các hoạt động nghiên cứu khoa học, ứng dụng chuyển giao công nghệ có thu; tăng cường hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đáp ứng yêu cầu thị trường lao động để tăng nguồn thu.

- Lập các dự án vay vốn ưu đãi, tranh thủ tối đa các nguồn ODA của các tổ chức chính phủ, phi chính phủ trong và ngoài nước để tăng nguồn lực tài chính.

- Xây dựng lộ trình thực hiện tự chủ về tài chính theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội chủ trì, phối hợp với các Vụ: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Hợp tác quốc tế và các đơn vị có liên quan xây dựng, tổ chức thực hiện theo thẩm quyền và trình Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt các kế hoạch, đề án, dự án, nhiệm vụ để thực hiện Chiến lược.

2. Vụ Tổ chức cán bộ theo dõi, kiểm tra, đôn đốc Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong việc triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chiến lược; định kỳ hằng năm tổng hợp, báo cáo Bộ trưởng tình hình thực hiện Chiến lược; tổ chức sơ kết, tổng kết đánh giá tình hình thực hiện Chiến lược, đề xuất việc điều chỉnh, bổ sung Chiến lược theo yêu cầu thực tế.

3. Các Vụ: Kế hoạch, Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, liên quan đề nghị bố trí kinh phí ngân sách thực hiện Chiến lược; hướng dẫn Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội quản lý tài chính, kinh phí thực hiện Chiến lược; xây dựng các cơ chế, chính sách huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước để thực hiện Chiến lược.

4. Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì hướng dẫn, phối hợp với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội vận động đầu tư, kêu gọi sự hỗ trợ của quốc tế thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chiến lược.

5. Vụ Khoa học và Công nghệ chủ trì hướng dẫn, phối hợp với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ; nghiên cứu gắn với giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực đội ngũ giảng viên.

6. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ tích cực phối hợp với Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội trong các hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học, giảng dạy theo các lĩnh vực chuyên ngành; đề xuất và thực hiện cơ chế đặt hàng đào tạo tại Trường và tuyển dụng các sinh viên có thành tích học tập tốt về công tác tại đơn vị; thực hiện các nhiệm vụ có liên quan trong việc nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Hợp tác quốc tế; Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- Các Bộ: Giáo dục và Đào tạo, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính;
- Các Thứ trưởng;
- Đảng ủy Bộ;
- Công đoàn Bộ, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ, Hội Cựu chiến binh cơ quan Bộ;
- Các Sở TN&MT;
- Cổng thông tin điện tử Bộ TN&MT;
- Lưu: VT, TCCB.HM.(120)



BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Minh Quang